

Số: /KH-UBND

Tỉnh Khê, ngày tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024
của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số trên địa bàn xã Tỉnh Khê năm 2026**

Thực hiện Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 11/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Kế hoạch số 53-KH/ĐU ngày 06/3/2026 của Đảng ủy xã Tỉnh Khê về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Tỉnh Khê; UBND xã Tỉnh Khê ban hành Kế hoạch thực hiện năm 2026, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW để cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Đề ra các nhiệm vụ cụ thể để triển khai thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW trong năm 2026, phù hợp với thực tiễn của xã.

2. Yêu cầu

- Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và nhân dân trong thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết 57-NQ/TW, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh và của Ban Thường vụ Đảng ủy xã.
- Năm 2026 được xác định là năm “tăng tốc” với phương châm “hành động đột phá, lan tỏa kết quả”, chuyển từ cách làm theo kế hoạch sang cách làm theo mục tiêu và sản phẩm; từ “có làm” sang “làm đến nơi đến chốn”, nhận thức rõ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu về tiến độ và kết quả; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua.
- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị cần bám sát nhiệm vụ đề ra để lãnh đạo, triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các

nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, các chỉ đạo của Trung ương, tỉnh và Kế hoạch của Đảng ủy về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và những năm tiếp theo.

- Đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số, từng bước ứng dụng dữ liệu số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành; minh bạch hóa hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết vùng, hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về phát triển hạ tầng số

- Tỷ lệ phủ sóng 5G $\geq 90\%$ dân số trên địa bàn xã
- Có $\geq 70\%$ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps.
- Thuê dịch vụ giám sát an toàn thông tin, giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống của Đảng ủy và UBND xã.

2.2. Về phát triển nguồn lực

- Tỷ lệ chi cho nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tổng chi ngân sách xã đảm bảo theo quy định.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị của xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản, có khả năng làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong tham mưu, quản lý, điều hành.
- 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

2.3. Về phát triển chuyển đổi số

- Có $\geq 80\%$ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.
- Có 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- Có 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- Có 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- Có 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- 100% các cơ quan trong hệ thống chính trị thực hiện xử lý, ký số và xử lý công việc trên các nền tảng số.

- Có $\geq 80\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Ít nhất 20-30% các HTX trên địa bàn xã ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 90\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tỷ lệ người dân có chữ ký số $\geq 10\%$.
- 100% các hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin và thực hiện bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo; nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy

1.1. Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền và cụ thể hóa Nghị quyết 57-NQ/TW

Quán triệt theo chuyên đề, theo nhóm đối tượng (cán bộ chủ chốt; cán bộ chuyên môn; doanh nghiệp/người dân) để nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo khí thế mới trong toàn xã hội; biên soạn tài liệu tóm tắt, cẩm nang triển khai; 100% cơ quan, đơn vị ban hành kế hoạch triển khai sau quán triệt, trong đó xác định nhiệm vụ trọng tâm, chỉ tiêu và sản phẩm đầu ra năm 2026; duy trì truyền thông định kỳ về kết quả thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW và cách làm sáng tạo, mô hình tiêu biểu.

Cơ quan thực hiện: Trung tâm Cung ứng DVC xã

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm.

1.2. Thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ được giao, thường xuyên cập nhật, báo cáo kết quả thực hiện trên Hệ thống theo dõi nghị quyết (<https://theodoing.dcs.vn>); kịp thời tiếp nhận, phản hồi ý kiến của tổ chức, cá nhân để đo lường mức độ hài lòng đối với cơ chế, chính sách, giải pháp thông qua Hệ thống phản ánh kiến nghị (<https://pakn.ng57.vn>) và các kênh có liên quan.

Cơ quan thực hiện: Phòng Văn hoá – Xã hội.

Thời gian thực hiện: Quý I/2026.

1.3. Đẩy mạnh phong trào “Bình dân học vụ số” gắn sử dụng dịch vụ số thiết yếu

Tổ chức phổ cập kỹ năng số gắn nhu cầu thực tế (dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, thương mại điện tử, ứng dụng AI, kỹ năng tương tác an toàn trên môi trường số...); phát huy vai trò của tổ công nghệ số cộng đồng.

Cơ quan thực hiện: Phòng Văn hoá – Xã hội.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

1.4. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan đảng, chính quyền đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia phát triển khoa học, công

nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong đời sống xã hội và trong hoạt động của hệ thống chính trị.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số; lồng ghép nội dung chuyển đổi số vào các phong trào thi đua, các cuộc vận động, các chương trình hành động của Mặt trận và các tổ chức chính trị – xã hội; phát huy vai trò nòng cốt của đoàn viên, hội viên trong việc sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng số phục vụ đời sống và công tác.

- Chủ động tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với việc triển khai các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ quan, tổ chức; kịp thời phản ánh tâm tư, nguyện vọng, khó khăn, vướng mắc của Nhân dân trong quá trình tiếp cận, sử dụng các dịch vụ, nền tảng số; góp phần tạo sự đồng thuận xã hội và nâng cao hiệu quả triển khai phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

Cơ quan thực hiện: Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách

2.1. Gắn trách nhiệm người đứng đầu và cơ quan, đơn vị

Rà soát, bổ sung hoặc ban hành tiêu chí đánh giá người đứng đầu và cơ quan, đơn vị gắn với việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đưa tiêu chí vào đánh giá, xếp loại cuối năm và thi đua, khen thưởng. Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP.

Cơ quan thực hiện: Phòng Văn hoá – Xã hội chủ trì, các phòng, đơn vị thuộc UBND xã phối hợp.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

2.2. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống cơ chế, chính sách của tỉnh

- Rà soát các cơ chế, chính sách liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để đề xuất cấp thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn, nhất là các điểm nghẽn về đầu tư, tài chính, mua sắm, thuê dịch vụ, chia sẻ dữ liệu, an toàn thông tin.

Cơ quan thực hiện: Phòng Văn hoá – Xã hội.

Thời gian thực hiện: Quý I/2026.

2.3. Nghiên cứu, xây dựng, triển khai chương trình, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của xã trong 10 năm.

Cơ quan thực hiện: Phòng Văn hoá – Xã hội.

Thời gian thực hiện: Quý I/2026.

2.4. Quản trị dữ liệu và chia sẻ dữ liệu dùng chung

Triển khai thực hiện các quy định của Trung ương, của tỉnh về danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở; phân công chủ quản dữ liệu; quy định chuẩn dữ liệu, quy trình cập nhật, chia sẻ, khai thác; phân quyền truy cập, lưu vết, trách nhiệm giải trình; kiểm tra việc tuân thủ.

Cơ quan thực hiện: Công an xã chủ trì, các phòng, đơn vị thuộc UBND xã phối hợp.

Thời gian thực hiện: sau khi có quy định của cấp trên.

3. Phát triển hạ tầng số

3.1. Bảo đảm hạ tầng số cho các cơ quan trong hệ thống chính trị

- Phối hợp chuẩn hóa, nâng cấp đường truyền, hệ thống mạng LAN, Wifi; trang bị máy tính, chữ ký số cá nhân, bảo đảm điều kiện họp trực tuyến và xử lý hồ sơ điện tử ổn định để cán bộ, công chức tương tác trên môi trường số an toàn.

- Đầu tư máy tính, trang thiết bị cho 18 thôn; Tổ công nghệ số cộng đồng và hỗ trợ kinh phí hoạt động; Trang bị máy tính cho công chức (30 bộ) và thiết bị di động; máy scan, máy in ...

Cơ quan thực hiện: Các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng uỷ; các phòng, đơn vị thuộc UBND xã; UBMTTQ Việt Nam xã, các tổ chức CT-XH xã.

Hoàn thành trong: Quý II/2026.

3.2. Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng, 5G; xóa điểm lốm sóng

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng, 5G đến tất cả khu vực dân sinh.

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp và phát triển hệ thống truyền thanh của xã theo hướng có ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông; thực hiện truyền thanh số, truyền thanh IP.

Cơ quan thực hiện: Phòng Văn hoá – Xã hội, Trung tâm cung ứng DVC xã.

Thời gian thực hiện: Quý II/2026.

3.3. Nghiên cứu thí điểm hạ tầng số cho thôn thông minh

- Nghiên cứu, lựa chọn xây dựng thôn thông minh làm điểm trên địa bàn; đồng thời đánh giá và xây dựng kế hoạch nhân rộng.

Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hoá – Xã hội.

Thời gian thực hiện: Quý II/2026.

4. Ứng dụng, dữ liệu số

4.1. Ứng dụng, khai thác hiệu quả các nền tảng ứng dụng số dùng chung của tỉnh

Cơ quan thực hiện: Các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng uỷ; các phòng, đơn vị thuộc UBND xã; UBMTTQ Việt Nam xã, các tổ chức CT-XH xã.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4.2. Chuẩn hóa công tác quản trị dữ liệu, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”

Phối hợp triển khai quy chế quản trị dữ liệu của tỉnh; phân công rõ trách nhiệm chủ quản dữ liệu; quy định quy trình tạo lập, cập nhật, chia sẻ, khai thác và kiểm soát chất lượng dữ liệu; tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ chất lượng dữ liệu; từng bước hình thành văn hóa làm việc dựa trên dữ liệu trong các cơ quan nhà nước.

Cơ quan thực hiện: Phòng Văn hoá – Xã hội chủ trì; các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng uỷ; các phòng, đơn vị thuộc UBND xã; UBMTTQ Việt Nam xã, các tổ chức CT-XH xã phối hợp..

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4.3. Ứng dụng dữ liệu số để nâng cao chất lượng dịch vụ công và phục vụ người dân, doanh nghiệp

Khai thác dữ liệu đã số hóa để tái sử dụng trong giải quyết thủ tục hành chính; không yêu cầu người dân, doanh nghiệp phải cung cấp lại thông tin; cá nhân hóa dịch vụ công; nâng cao mức độ tự động hóa trong tiếp nhận, xử lý và trả kết quả; đo lường mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp dựa trên dữ liệu thực tế.

Cơ quan thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4.4. Đẩy mạnh tích hợp, chia sẻ dữ liệu

Phối hợp và khai thác hiệu quả nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh; xây dựng danh mục dữ liệu và dịch vụ dữ liệu (API) dùng chung; kết nối, liên thông dữ liệu giữa các phòng, đơn vị theo quy định; ưu tiên chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và điều hành, chỉ đạo.

Cơ quan thực hiện: Phòng Văn hoá – Xã hội.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

5. Chuyển đổi số trong hệ thống chính trị

5.1. Đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số. Chuẩn hóa quy trình, xử lý văn bản toàn trình, hồ sơ công việc trên môi trường số; áp dụng ký số; giảm văn bản giấy; bảo đảm liên thông, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở; đo lường tỷ lệ xử lý điện tử; kiểm tra, chấn chỉnh, bảo đảm kỷ luật hành chính trong môi trường số.

Cơ quan thực hiện: Các phòng, đơn vị thuộc UBND xã.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

5.2. Tái cấu trúc quy trình, thủ tục hành chính

Ưu tiên chọn nhóm thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ lớn để tái cấu trúc; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết; tăng thanh toán số; không yêu cầu nộp lại giấy tờ; nâng mức hài lòng người dân, doanh nghiệp.

Cơ quan thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

5.3. Ứng dụng chứng thực bản sao điện tử

Rà soát, tái cấu trúc quy trình, nghiệp vụ trên môi trường số; ứng dụng chứng thực bản sao điện tử trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là trong công tác cán bộ bảo đảm quy định theo Luật Giao dịch điện tử.

Cơ quan thực hiện: UBND xã.

Thời gian thực hiện: Quý I/2026.

5.4. Ứng dụng các nền tảng số dùng chung

Triển khai đồng bộ các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung do các bộ, ban, ngành Trung ương triển khai: Hệ thống báo cáo, Hệ thống theo dõi thực hiện nghị quyết, Hệ thống tiếp nhận phản ánh kiến nghị, Sổ tay đảng viên điện tử, Thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường mạng...

Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

5.5. Số hóa và khai thác dữ liệu số

Tiếp tục đẩy mạnh chỉnh lý, số hóa tài liệu lưu trữ và đưa vào khai thác trên môi trường số.

Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

6. Chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên

6.1. Tài nguyên, môi trường

Chuẩn hóa dữ liệu đất đai theo lộ trình; kết nối dịch vụ công; tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến; giảm yêu cầu giấy tờ; khai thác dữ liệu phục vụ quy hoạch, đầu tư, quản lý tài nguyên.

6.2. Nông nghiệp, thủy sản

Rà soát, chuẩn hóa mã vùng trồng/vùng nuôi; truy xuất nguồn gốc; gắn tiêu chuẩn chất lượng; hỗ trợ kênh tiêu thụ số, thương mại điện tử, thanh toán số.

6.3. Thương mại điện tử, số hóa điểm đến, thanh toán số

Phát triển gian hàng số cho sản phẩm địa phương/OCOP; hỗ trợ hộ kinh doanh đưa các sản phẩm lên sàn thương mại điện tử; số hóa điểm đến (bản đồ số, thông tin số, phản hồi du khách); thúc đẩy thanh toán số; kết nối truyền thông số.

6.4. Giáo dục, an sinh xã hội

Đẩy mạnh triển khai giải pháp quản trị trường học số, học liệu số; số hóa quản lý đối tượng, thúc đẩy chi trả không tiền mặt, liên thông, giảm trùng lặp dữ liệu.

Cơ quan thực hiện: Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

7. Công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng

7.1. Xây dựng hồ sơ đề nghị cấp độ an toàn thông tin đề nghị phê duyệt; triển khai biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt; kiểm tra tuân thủ và khắc phục tồn tại; xây dựng chính sách sao lưu dữ liệu.

Cơ quan thực hiện: Văn phòng HĐND&UBND xã chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hoá – Xã hội xã.

Thời gian thực hiện: Hoàn thành phê duyệt cấp độ An toàn thông tin trong quý II /2026 và duy trì thực hiện thường xuyên.

7.2. Triển khai Hệ thống phòng chống mã độc tập trung

Rà soát, đề xuất số lượng phần mềm chống mã độc để 100% máy tính của cán bộ, công chức được tăng cường bảo đảm an toàn khi tương tác trên môi trường số.

Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hoá – Xã hội chủ trì, Văn phòng HĐND&UBND xã phối hợp.

Thời gian thực hiện: Quý I/2026.

8. Hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

8.1. Lựa chọn tối thiểu 01 bài toán cấp xã để triển khai

Chọn bài toán sát dân, sát sản xuất; đặt hàng nhiệm vụ ứng dụng; triển khai theo mô hình thí điểm để đánh giá hiệu quả và nhân rộng.

Cơ quan thực hiện: Phòng Văn hoá – Xã hội.

Thời gian thực hiện: Quý II/2026.

8.2. Phát triển tài sản trí tuệ và truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm chủ lực

Phối hợp hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; xây dựng hệ thống truy xuất; gắn tiêu chuẩn chất lượng và thị trường; nâng giá trị sản phẩm địa phương.

Cơ quan thực hiện: Phòng Kinh tế

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

8.3. Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp

Nâng cao nhận thức và năng lực chuyển đổi số cho doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp đánh giá mức độ sẵn sàng và xây dựng lộ trình chuyển đổi số; thúc đẩy ứng dụng các nền tảng, giải pháp số trong quản trị và sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số gắn với đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng; thúc đẩy chuyển đổi số trong chuỗi cung ứng, logistics và kết nối thị trường; hình thành và phát triển hệ sinh thái hỗ trợ chuyển đổi số doanh nghiệp; theo dõi, đánh giá và nhân rộng mô hình doanh nghiệp chuyển đổi số hiệu quả.

Cơ quan thực hiện: Phòng Văn hoá – Xã hội.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

9. Về phát triển nguồn nhân lực

Tăng cường bồi dưỡng “lãnh đạo số” cho cán bộ chủ chốt và người đứng đầu; bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm và đánh giá theo kết quả công việc; đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu lực lượng nòng cốt về dữ liệu, an toàn thông tin; thu hút, trọng dụng chuyên gia khoa học, công nghệ, chuyển đổi số theo dự án, bài toán; gắn đào tạo nghề và kỹ năng số với nhu cầu doanh nghiệp; phát triển học liệu số và phổ cập kỹ năng số cho người dân.

Tổ chức các lớp hướng dẫn sử dụng VNeID, chữ ký số và dịch vụ công trực tuyến.

Cơ quan thực hiện: Phòng Văn hoá – Xã hội chủ trì, Công an xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã phối hợp.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã về tiến độ, nội dung, kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch và chủ động thực hiện các nội dung sau:

- Xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể được giao của phòng, đơn vị theo Kế hoạch này; báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Văn hoá – Xã hội) chậm nhất sau 10 ngày kể từ khi Kế hoạch này được ban hành.

- Rà soát các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Đảng và Chương trình hành động của Trung ương đã ban hành, còn hiệu lực, có liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trên cơ sở đó tham mưu điều chỉnh, bổ sung (nếu cần thiết) bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Kế hoạch hành động này.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này, định kỳ hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm báo cáo UBND xã (thông qua Phòng Văn hoá – Xã hội) kết quả thực hiện trước ngày 10 hàng tháng để tổng hợp, báo cáo UBND xã.

2. Giao Phòng Văn hoá – Xã hội là cơ quan đầu mối tổng hợp, điều phối chung việc triển khai Kế hoạch; có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện; thường xuyên hỗ trợ, cung cấp thông tin và tài liệu cơ bản nhằm giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận, áp dụng các phương pháp đổi mới, sáng tạo để tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới hoặc cải tiến sản phẩm, dịch vụ đã có của doanh nghiệp để hàng hóa đủ sức cạnh tranh thị trường. Tham mưu UBND xã xây dựng Kế hoạch cụ thể hoá các nội dung công việc theo Kế hoạch này, triển khai thực hiện đạt kết quả.

3. Phòng Kinh tế phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các thành viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện; Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các tổ chức xã hội... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung nội dung của Kế hoạch này, các phòng, đơn vị chủ động đề xuất bằng văn bản, gửi Phòng Văn hoá – Xã hội để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Tịnh Khê. Kính đề nghị các phòng, cơ quan, đơn vị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN tỉnh;
- TT Đảng ủy, HĐND xã; (b/c)
- CT, các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Các phòng, cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Viettel Quảng Ngãi; Viễn thông Quảng Ngãi;
- BTCTB, TT, TBCTMT thôn;
- Tổ CNSCĐ thôn;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Minh Chính